

Số: 849/BC-BCĐ

Quảng Trị, ngày 07 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm
và triển khai một số nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2014**

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

a. Ban chỉ đạo tỉnh:

- HĐND, UBND tỉnh, BCĐ chương trình đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện chương trình năm 2014:

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 về phân bổ vốn kế hoạch các chương trình MTQG năm 2014; Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 7/3/2014 về phân bổ vốn trái phiếu chính phủ năm 2014 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 20/QĐ-UBND về ban hành quy chế công tác thi đua, khen thưởng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Ban chỉ đạo tỉnh đã ban hành kế hoạch số 384/KH-BCĐNTM về kế hoạch tuyên truyền, tập huấn, đào tạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Kế hoạch số 849/KH-BCĐNTM về kế hoạch công tác của BCĐ năm 2014; Kế hoạch số 845/KH-BCĐNTM về kế hoạch kiểm tra chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2014.

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND về huy động nguồn lực và quy định mức hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.

- Triển khai thực hiện các nội dung của biên bản thỏa thuận đã được UBND tỉnh ký kết với cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (Koica) về việc triển khai chương trình hạnh phúc với sự chia sẻ các kinh nghiệm về phát triển của Chương trình nông thôn mới Hàn Quốc. Ban hành quyết định lựa chọn 7 xã gồm: Triệu Trạch, Cam Thủy, Gio Phong, Hải Thượng, Vĩnh Thành, Thuận, Mò Ó để Koica hỗ trợ xây dựng nông thôn mới.

- Hỗ trợ, hướng dẫn UBND xã Vĩnh Thạch triển khai kế hoạch nông thôn mới do Chủ tịch nước bảo trợ.

c. Các huyện, thị:

- Tổ chức tổng kết thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2013, triển khai nhiệm vụ năm 2014. BCĐ các huyện đã tổ chức làm việc, kiểm tra tình hình xây dựng nông thôn mới của các xã, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho các xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2015.

- Một số huyện đã có nhiều giải pháp sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành. Điển hình như Huyện Hải Lăng đã thành lập BCD do đồng chí Bí thư làm Trưởng ban, Thành lập Văn phòng điều phối do đồng chí Phó Chủ tịch phụ trách nông nghiệp làm Chánh Văn phòng và các tổ chỉ đạo xã xây dựng nông thôn mới do các đồng chí là Thường vụ huyện uỷ làm tổ trưởng để chỉ đạo, giúp đỡ, hướng dẫn các xã thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- 117 xã đã kiện toàn, thành lập BCD nông thôn mới cấp xã do đồng chí Bí thư Đảng bộ xã trực tiếp làm trưởng ban để lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị cơ sở và toàn dân triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã; đồng thời kiện toàn Ban quản lý nông thôn mới các xã theo hướng tinh gọn, phân công, phân nhiệm rõ ràng, đảm bảo sự chỉ đạo, phối hợp thực hiện chương trình có hiệu quả.

2. Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn:

2.1. Công tác tuyên truyền:

**** Hoạt động của BCD tỉnh và các sở ngành cấp tỉnh:***

- Công tác tuyên truyền chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục được chỉ đạo triển khai tại các địa phương. Nội dung tuyên truyền tiếp tục được đổi mới về nội dung và hình thức, tập trung chủ yếu vào cơ chế, chính sách mới, cách làm hay, sáng tạo, mô hình hiệu quả theo hướng vận động đi đôi với hành động bằng nhiều hoạt động phong phú cả chiều rộng lẫn bề sâu, hướng về cơ sở nhằm huy động sự tham gia tích cực của nhân dân.

- BCD tỉnh đã tổ chức lễ phát động phong trào “ Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới năm 2014”; Phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể xây dựng kế hoạch thực hiện các phong trào thi đua tại các địa phương.

- Các cơ quan truyền thông như Báo Quảng Trị, Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Nông nghiệp Việt Nam và trang thông tin điện tử nông thôn mới Quảng Trị tiếp tục đưa tin, bài tích cực tuyên truyền chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Đài truyền hình Quảng Trị tổ chức hội thi nhà nông đua tài với nhiều nội dung liên quan đến Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Liên hiệp hội Khoa học kỹ thuật tỉnh tổ chức Hội thảo cấp tỉnh về hoa học kỹ thuật phục vụ xây dựng nông thôn mới.

- Mặt trận và các đoàn thể cấp tỉnh đã phối hợp với các địa phương xây dựng kế hoạch tuyên truyền nông thôn mới với các phong trào cụ thể tại cộng đồng dân cư: Mặt trận thực hiện nội dung nhà ở dân cư và tiếp tục thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; Hội LHPN thực hiện nội dung gia đình 5 không 3 sạch; Hội nông dân thực hiện phong trào nông dân thi đua sản xuất, cải tạo vườn tạp; Đoàn Thanh niên thực hiện công trình thanh niên tham gia chỉnh trang đường làng, ngõ xóm.

**** Hoạt động tuyên truyền tại các địa phương:***

- UBND các huyện, thị cũng tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách với nhiều hình thức khác nhau: hệ thống đài truyền thanh, trang thông tin điện tử của

huyện. Đặc biệt là sự vào cuộc của Mặt trận và các đoàn thể cấp huyện trong việc tổ chức thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động hội viên tham gia xây dựng nông thôn mới.

- UBND các xã, các thôn/ bản cũng đã triển khai lồng ghép các hoạt động tuyên truyền xây dựng nông thôn mới; phối hợp với các đoàn thể và tổ chức chính trị xã hội ở địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới. Duy trì tổ chức các hoạt động như chỉnh trang nông thôn, ngày chủ nhật xanh, ngày thứ 7 tình nguyện, huy động các hội đoàn thể và nhân dân tích cực tham gia.

c. Đào tạo, tập huấn:

Công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ phụ trách công tác nông thôn mới các cấp từ tỉnh đến huyện, xã tiếp tục được quan tâm. Năm 2014, nội dung đào tạo, tập huấn chủ yếu tập trung vào các cơ chế chính sách mới, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của địa phương trong quá trình triển khai thực hiện; ứng dụng hệ thống báo cáo trực tuyến qua trang thông tin điện tử quảng trị nhằm đảm bảo hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý chương trình được cập nhật đầy đủ và thống nhất từ Trung ương đến tỉnh, huyện, xã.

Đã phối hợp với Văn phòng điều phối Trung ương tổ chức lớp tập huấn chuyển giao và ứng dụng hệ thống báo cáo trực tuyến cho cán bộ phụ trách nông thôn mới của 117 xã và 8 huyện, thị xã trên địa bàn.

Công tác tham quan học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới tại một số địa phương làm tốt được BCD tỉnh, huyện quan tâm. Trong 6 tháng đầu năm, BCD tỉnh đã tổ chức 01 chuyên tham quan học tập tại 4 tỉnh miền núi phía Bắc; BCD các huyện Vĩnh Linh, Hải Lăng cũng đã tổ chức đi học tập kinh nghiệm tại một số tỉnh. Kết quả đã thu được nhiều kinh nghiệm quý báu có giá trị trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

3. Công tác Quy hoạch, xây dựng Đề án:

Đến nay 100% xã đã hoàn thành phê duyệt quy hoạch và đề án nông thôn mới cấp xã. UBND các xã đã công khai quy hoạch và đề án; đang triển khai thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới theo đề án đã được phê duyệt.

Chỉ đạo các địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

Năm 2014, UBND tỉnh đã bố trí nguồn kinh phí 50 triệu đồng/xã cho công tác cắm mốc chỉ giới quy hoạch NTM. UBND các huyện, thị xã đang chỉ đạo các địa phương tổ chức cắm mốc chỉ giới đường giao thông nông thôn theo quy hoạch.

4. Phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập cho người dân:

- Về phát triển sản xuất: UBND tỉnh đã phân bổ 4.100 triệu đồng từ nguồn

vốn kế hoạch năm 2014 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hỗ trợ phát triển sản xuất, ngành nghề cho 30 xã điểm nông thôn mới của tỉnh, huyện (trong đó hỗ trợ phát triển các mô hình là 3.900 triệu đồng, bình quân 130 triệu đồng/xã); hỗ trợ các sáng kiến hay trong phát triển sản xuất và ngành nghề: 200 triệu đồng. Đến nay, có 4 huyện, thị xã là Cam Lộ, Gio Linh, Hướng Hóa và Thị xã Quảng Trị đã lựa chọn và triển khai thực hiện 19 mô hình, trong đó lĩnh vực trồng trọt 8 mô hình, chăn nuôi 6 mô hình, thủy sản 2 mô hình, lâm nghiệp 1 mô hình, ngành nghề 2 mô hình. Các huyện, thị còn lại đang chỉ đạo UBND các xã tổ chức lấy ý kiến nhân dân về mô hình phát triển sản xuất, trình UBND huyện phê duyệt để triển khai thực hiện trong quý III năm 2014. Ngoài ra, bằng nhiều nguồn vốn lồng ghép khác, UBND các huyện, thị xã cũng đã chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả và có khả năng nhân ra diện rộng.

(Chi tiết theo Biểu 01 đính kèm)

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Năm 2014, UBND tỉnh tiếp tục phân cấp cho UBND huyện, thị xã quản lý chương trình dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với mục tiêu xây dựng NTM và giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn trên địa bàn. Theo kế hoạch, toàn tỉnh tổ chức 74 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, với 23 nghề cho 2.168 học viên, kinh phí là 1.820,282 triệu đồng, trong đó cấp tỉnh tổ chức đào tạo 20 lớp, cấp huyện đào tạo 54 lớp. 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh có 3.338 lao động nông thôn tham gia học nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp tại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh.

5. Kết quả phân bổ và huy động nguồn lực:

5.1. Kết quả phân bổ vốn:

Tổng nguồn vốn phân bổ cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2014 là 70.078 triệu đồng. Trong đó :

- Nguồn kinh phí sự nghiệp: 6.078 triệu đồng, gồm
 - + Tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xây dựng nông thôn mới: 1.422 triệu đồng.
 - + Hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề: 4.100 triệu đồng.
 - + Kinh phí phục vụ quản lý Chương trình: 556 triệu đồng
- Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn TPCP: 64.000 triệu đồng, gồm:
 - + Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng các xã: 58.760 triệu đồng,

. Các xã ưu tiên theo Nghị quyết số 65/3013/NQ13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội khóa XIII gồm 42 xã: 18.360 triệu đồng (680 triệu đồng/xã).

. Các xã đạt từ 13 tiêu chí trở lên gồm 11 xã (xã Vĩnh Thạch đã thuộc xã ưu tiên

theo Nghị Quyết 65): 7.150 triệu đồng (650 triệu đồng/ xã)

. Các xã điểm của tỉnh, huyện còn lại 11 xã: 7.150 triệu đồng (650 triệu đồng/ xã)

. Các xã còn lại gồm 53 xã: 15.900 triệu đồng (300 triệu đồng/xã).

+ Hỗ trợ hoàn thiện tiêu chí NTM theo lộ trình 2014: 5.240 triệu đồng.

5.2. Kết quả huy động nguồn lực:

Theo báo cáo của các địa phương và ngân hàng nhà nước Chi nhánh Quảng Trị, tổng nguồn lực huy động đạt 2.773.768 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách trực tiếp hỗ trợ cho Chương trình 87.293 triệu đồng (Ngân sách Trung ương 70.078 triệu đồng, Ngân sách địa phương 17.215 triệu đồng).
- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án: 102.988 triệu đồng.
- Vốn tín dụng theo báo cáo của ngân hàng Nhà nước, doanh số cho vay nông nghiệp, nông dân, nông thôn 5 tháng đầu năm là 2.561.000 triệu đồng;
- Vốn doanh nghiệp, HTX: 11.480 triệu đồng;
- Vốn nhân dân đóng góp bằng tiền mặt và hiện vật quy ra tiền là 10.084 triệu đồng; vốn huy động khác 923 triệu đồng.

Chi tiết theo Biểu 02 đính kèm

6. Kết quả đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn:

Năm 2014, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được phân bổ cho 117 xã nông thôn trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, dân sinh gồm: đường giao thông nông thôn, đường giao thông nội đồng, kênh mương nội đồng và một số công trình hạ tầng kỹ thuật thực sự cấp thiết để giữ vững và tăng thêm tiêu chí nông thôn mới.

Hiện nay, UBND các huyện¹ đã thông báo danh mục công trình sử dụng nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và đang triển khai thực hiện. Tổng nguồn vốn trực tiếp thuộc Chương trình MTQG nông thôn mới đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn là 64.000 triệu đồng. Trong đó đầu tư cho giao thông nông thôn là 41.006 triệu đồng (chiếm 64%), thủy lợi 2.007 triệu đồng (chiếm 3,13%), san ủi mặt bằng cải tạo đồng ruộng 538 triệu đồng (0,84%), trường học 2.689 triệu đồng (chiếm 4,2%), trạm y tế 400 triệu đồng (0,625%), cơ sở vật chất văn hóa 1.700 triệu đồng (2,65%), chợ nông thôn 1.100 triệu đồng (chiếm 1,72%), trụ sở xã 5.240 triệu đồng (chiếm 8,18%). Cụ thể:

- Huyện Đakrông: 8.311 triệu đồng. Trong đó đầu tư GTNT 8.080 triệu đồng, trụ sở xã 231 triệu đồng.

- Huyện Hướng Hóa: 13.161 triệu đồng, trong đó đầu tư cho GTNT 11.070 (%), trường học 680 triệu đồng, cơ sở vật chất văn hóa 680 triệu đồng; trụ sở xã 731 triệu đồng

¹ UBND huyện Vĩnh Linh chưa thông báo danh mục công trình cụ thể

- Huyện Cam Lộ: 4.791 triệu đồng, trong đó đầu tư cho GTNT 2.415 triệu đồng, cải tạo đồng ruộng 538 triệu đồng, thủy lợi 497 triệu đồng, trụ sở xã 1.341 triệu đồng.

- Huyện Hải Lăng: 8.860 triệu đồng, trong đó đầu tư cho GTNT 5.571 triệu đồng, thủy lợi 180 triệu đồng, trường học 339 triệu đồng, trạm y tế 150 triệu đồng, cơ sở vật chất văn hóa 1.020 triệu đồng, chợ (điểm thương mại dịch vụ) 850 triệu đồng, trụ sở xã 650 triệu đồng.

- Huyện Gio Linh: 8.650 triệu đồng, đầu tư cho GTNT 6.700 triệu đồng, thủy lợi 80 triệu đồng, trường học 1.470 triệu đồng, chợ 150 triệu đồng, y tế 250 triệu đồng.

- Huyện Triệu Phong: 8.770 triệu đồng, Trong đó: GTNT: 6.520 triệu đồng, thủy lợi 1.250 triệu đồng, trường học 200 triệu đồng, trụ sở xã 800 triệu đồng.

- Thị xã Quảng Trị: 1.329 triệu đồng, trong đó đầu tư cho GTNT 650 triệu đồng, trụ sở xã 679 triệu đồng.

- UBND huyện Vĩnh Linh: 9.628 triệu đồng (chưa phân bổ danh mục công trình cụ thể)

Chi tiết theo Biểu 3 đính kèm

6 tháng đầu năm theo báo cáo của các huyện, thị xã² đã đầu tư làm mới và sửa chữa 43,5 km đường giao thông nông thôn, 5,25 km kênh mương thủy lợi, 26,9 km đường dây điện thấp sáng đường nông thôn; sửa chữa và nâng cấp 55 phòng học các cấp, 1150 m tường rào; làm mới và nâng cấp 5 trạm y tế, 3 công trình cấp nước, 25 khu xử lý rác thải nông thôn, xây mới và sửa chữa 6 nhà văn hóa xã, thôn và nhiều công trình cơ sở hạ tầng nông thôn khác. Tổng nguồn vốn 242.847,22 triệu đồng.

6. Hiện trạng các tiêu chí nông thôn mới

6.1. Hiện trạng chung

Theo báo cáo của các địa phương đến tháng 6/2014, hiện trạng tiêu chí nông thôn mới của các địa phương như sau:

- Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí có 6 xã, chiếm 5,1 %, tăng 2 xã so với năm 2013, có 3 xã đạt tiêu chí cao nhất là 17 tiêu chí (xã Vĩnh Kim, Vĩnh Thủy, Vĩnh Hiền (huyện Vĩnh Linh), 3 xã đạt 15 tiêu chí là (Vĩnh Lâm, Vĩnh Thạch, Cam Thủy).

- Xã đạt từ 13-14 tiêu chí: 7 xã (chiếm 5,98 %), giảm 1 xã so với năm 2013. Trong đó: Huyện Vĩnh Linh 3 xã, Triệu Phong 1 xã, Cam Lộ 2 xã và thị xã Quảng Trị 1 xã.

- Số xã đạt từ 10-12 tiêu chí: 36/117 xã (chiếm 30,7%), tăng 13 xã so với năm 2013. Trong đó: Huyện Vĩnh Linh 5 xã, Gio Linh 7 xã, Hải Lăng 8 xã, Triệu Phong 9 xã, Cam Lộ 3 xã và Hướng Hoá 4 xã.

² Gồm: Huyện Triệu Phong, Hải Lăng, thị xã Quảng Trị, Gio Linh

- Số xã đạt từ 5- 9 tiêu chí: 54/117 xã (chiếm 46,2%), giảm 13 xã so với năm 2013. Trong đó: Huyện Vĩnh Linh 4 xã, Gio Linh 11 xã, Hải Lăng 11 xã, Triệu Phong 8 xã, Cam Lộ 2 xã, Đakrông 6 xã và Hướng Hoá 12 xã.

- Số xã đạt dưới 5 tiêu chí còn 14/117 xã (chiếm 11,9%), giảm 01 xã so với năm 2013. Trong đó: Huyện Vĩnh Linh 3 xã, Đakrông 7 xã và Hướng Hoá 4 xã.

Chi tiết có Biểu 04 đính kèm

6.2 Hiện trạng của 30 xã điểm tỉnh, huyện

- Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí là 6 xã. Trong đó có 3 xã đạt 17 tiêu chí và 3 xã đạt 15 tiêu chí (huyện Vĩnh Linh 5 xã, Cam Lộ 1 xã)

- Số xã từ 10-14 tiêu chí là 18 xã. Trong đó huyện Hải Lăng 5 xã, Triệu Phong 4 xã, Vĩnh Linh 1 xã, thị xã Quảng Trị 1 xã, Gio Linh 3 xã, Cam Lộ 2 xã và Hướng Hóa 2 xã.

- Số xã đạt từ 5- 9 tiêu chí có 5 xã (Đakrông 2 xã, Hướng Hóa 2 xã và Gio Linh 01 xã)

- Số xã đạt dưới 5 tiêu chí có 01 xã (Hướng Hiệp huyện Đakrông)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI:

1. Kết quả đạt được:

- Cấp ủy chính quyền, mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể các cấp đã chủ động trong xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện chương trình; phát động sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện các công trình, phần việc trong xây dựng nông thôn mới.

- Nhân dân tiếp tục đồng tình và hưởng ứng tham gia các hoạt động xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là việc hiến đất, tự nguyện giải phóng mặt bằng, đóng góp công sức xây dựng đường giao thông nông thôn³.

- Xây dựng nông thôn mới đang từng bước góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn, cải thiện điều kiện sống của người dân góp phần ổn định chính trị, xã hội, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng ở các vùng nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

2. Những tồn tại, hạn chế:

- Một số sở, ban, ngành thành viên BCD tỉnh, huyện chưa thực sự vào cuộc và có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn, bám sát các địa bàn được phân công phụ trách; các ngành mới chỉ tập trung vào nhiệm vụ chuyên môn của ngành chưa bám sát 19 tiêu chí nông thôn mới để chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương triển khai thực hiện.

- Phong trào Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới tiếp tục được phát động rộng khắp ở tất cả các địa phương. Tuy nhiên, các hoạt động hưởng ứng phong trào chưa được thường xuyên, liên tục, duy trì đều đặn ở khắp các địa bàn nông thôn.

³ 6 tháng đầu năm người dân trên địa bàn toàn tỉnh đã hiến 43.573 m² đất, trong đó Huyện Hải Lăng 7.600 m², huyện Triệu Phong 8.857 m², huyện Cam Lộ 25.000 m², thị xã Quảng Trị 2.116 m².

- Một số địa phương chậm triển khai các mô hình phát triển sản xuất, chưa tổ chức tổng kết hiệu quả các mô hình nhằm lựa chọn các mô hình có hiệu quả, có khả năng nhân rộng để tiếp tục thực hiện. Hầu hết các mô hình phát triển sản xuất còn mang tính nhỏ lẻ, quy mô nhỏ, chưa mang tính sản xuất hàng hóa, khả năng nhân rộng còn hạn chế.

- Các địa phương chậm triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn từ nguồn vốn TPCP. Việc phân bổ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn TPCP của một số địa phương chưa bám sát chỉ đạo của UBND tỉnh đó là ưu tiên cho các công trình phục vụ phát triển sản xuất, một số địa phương còn phân bổ cho các danh mục công trình chưa thực sự cấp thiết như tường rào, nhà hiệu bộ....

- Việc giao cho cộng đồng người dân tự xây dựng các công trình (theo Quyết định 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 03/TT-BKHĐT ngày 6/8/2013) chưa được các địa phương chú trọng chỉ đạo triển khai thực hiện. Thực trạng thuê doanh nghiệp đầu tư để thực hiện công trình vẫn còn diễn ra ở một số địa phương, gây lãng phí nguồn vốn đầu tư và không huy động được sự tham gia thực hiện và giám sát của cộng đồng dân cư.

- Công tác báo cáo, thống kê định kỳ chưa được các thành viên BCD tỉnh và BCD các huyện quan tâm, cụ thể: tiến độ báo cáo của một số sở, ngành và địa phương thường xuyên chậm trễ và chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu của BCD tỉnh và BCD Trung ương. Vì vậy, đã ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, điều hành của BCD các cấp và công tác thống kê, báo cáo tình hình chung của tỉnh cho BCD Trung ương.

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM :

1. Ước hiện trạng nông thôn mới đạt đến cuối năm 2014:

Theo báo cáo của các địa phương, hiện trạng nông thôn mới ước thực hiện đến 6 tháng cuối năm như sau:

- Số xã đạt 19 tiêu chí: Phần đầu có 3 xã là Vĩnh Thạch, Vĩnh Kim, Vĩnh Thủy (huyện Vĩnh Linh)

- Số xã đạt từ 15-18 là 14 xã

- Số xã đạt từ 13-14 là 23 xã

- Số xã đạt từ 10-12 là 41 xã

- Số xã đạt từ 5-9 là 32 xã

- Số xã đạt dưới 5 tiêu chí là 4 xã

2. Nhiệm vụ, giải pháp:

2.1. Cấp tỉnh:

- Tiếp tục triển khai kế hoạch truyền truyền, vận động chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2014 theo kế hoạch số 384/KH- BCĐNTM ngày 18/02/2014 của Ban chỉ đạo tỉnh;

- Triển khai thực hiện Nghị quyết huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh Quảng Trị đến năm 2020. Xây dựng quy định về hỗ trợ bù lãi suất vốn vay cho các hộ gia đình, cá nhân, chủ trang trại,

HTX, tổ hợp tác vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh theo đề án nông thôn mới.

- Chỉ đạo các ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình các công trình xây dựng cơ bản nhằm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thuộc nhiệm vụ ngành quản lý trên toàn tỉnh theo cơ chế đầu tư đặc thù tại Quyết định số 498/QĐ- TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư 03/2013/TT- BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Ban hành quy định về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở cơ sở, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong quá trình thực hiện chương trình. Làm việc với các địa phương đăng ký đạt chuẩn năm 2014 để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc giúp các xã hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Triển khai đào tạo, tập huấn cho cán bộ tham gia chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các cấp. Tiếp tục triển khai Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nghiêm túc quán triệt và thực hiện việc đào tạo nghề phải gắn liền với các nghề mới, nghề gắn với các vùng nguyên liệu.

- Kiện toàn bộ máy Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh và bộ phận giúp việc BCD các huyện, thị xã; theo hướng bổ sung biên chế hoặc hợp đồng cán bộ chuyên trách và ban hành chính sách hỗ trợ chế độ cho cán bộ phụ trách chương trình nông thôn mới các cấp.

- Tiếp tục vận động, kêu gọi các tổ chức và các doanh nghiệp đỡ đầu, hỗ trợ cho phong trào xây dựng nông thôn mới của tỉnh, đặc biệt là 30 xã thí điểm của tỉnh, huyện.

- Chỉ đạo rà soát hiện trạng tiêu chí đạt năm 2014, lựa chọn các xã có khả năng phấn đấu đạt chuẩn vào năm 2015 để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc giúp các xã đạt chuẩn theo kế hoạch đề ra.

2.2. Cấp huyện, thị và các xã:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động về xây dựng nông thôn mới dưới các hình thức; chú trọng chuyên sâu vào các cơ chế chính sách của tỉnh, trung ương và các mô hình điển hình trong phong trào xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng, trọng tâm là tuyên truyền các mô hình điển hình trong sản xuất kinh doanh, các kinh nghiệm trong phát triển sản xuất; tiếp tục bồi dưỡng, nhân rộng các mô hình điển hình đã có; đồng thời phát hiện những nhân tố mới điển hình để có hình thức tuyên truyền phù hợp

- Duy trì đều đặn tại các địa bàn thôn, bản và trong các tổ chức đoàn thể, chính trị các hoạt động thực hiện vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng NTM và các hoạt động hưởng ứng phong trào “Quảng trị chung sức xây dựng nông thôn mới”.

- Triển khai thực hiện quy hoạch và đề án đã được phê duyệt như: Công bố quy hoạch, tổ chức cắm mốc ở thực địa và xây dựng quy chế quản lý sau quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ đạo các địa phương rà soát hiện trạng tiêu chí theo các quy định mới ban hành; lựa chọn các xã có khả năng để đưa vào kế hoạch đạt chuẩn năm 2015.

- UBND các xã triển khai kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG NTM, ưu tiên các mô hình có tính liên doanh, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ; tăng cường công tác khuyến nông, khuyến ngư, tập huấn, hỗ trợ các HTX, THT; tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Tiếp tục kêu gọi vận động các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp, các nhà tài trợ hỗ trợ; tích cực huy động nguồn đóng góp của nhân dân để xây dựng NTM theo đúng đề án đã được phê duyệt./.

Nơi nhận:

- VPĐP TW;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TB, các PTB Chỉ đạo;
- Thành viên BCĐ;
- Văn phòng tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- BCĐ các huyện, thị xã;
- VPĐP nông thôn mới;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Nguyễn Văn Bài

Phụ lục 1: KẾT QUẢ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ NGÀNH NGHỀ NĂM 2013

TT	Tên mô hình	Địa chỉ	Vốn đầu tư (triệu đồng)		
			Tổng	Vốn CTMT NTM (QĐ 209/QĐ- UBND)	Lồng ghép các nguồn khác và dân góp
I	Thị xã Quảng Trị		330,00	120,00	210,00
1	Mô hình trồng ớt lai	Thôn Tích Tường xã Hải Lệ	60,00	40,00	20,00
2	Mô hình nuôi ong lấy mật	Thôn Tân Mỹ, xã Hải Lệ	130,00	30,00	100,00
3	Mô hình sen cá	Thôn Tân Lệ, xã Hải Lệ	140,00	50,00	90,00
4	Ươm giống cây sưa đỏ	Thôn Như Lệ, xã Hải Lệ	50,00	10,00	40,00
II	Gio Linh		1652,00	520,00	1132,00
1	Trồng ném trên cát	Xã Trung Giang	100,00	30,00	70,00
2	Nuôi bò lai	Xã Gio An	330,00	130	200
3	Nuôi bò lai	Xã Gio Phong	330,00	130	200
4	Nuôi lợn ngoại	Xã Trung Giang	100,00	50	50
5	Hỗ trợ mua máy làm đất	Xã Gio Mai	352,00	110	242
6	Hỗ trợ mua máy gặt đập liên hợp	Xã Gio Mai	340,00	20	320
7	Hỗ trợ mua máy Icom tầm xa(tàu xa bò)	Xã Trung Giang	100,00	50	50

III	Triệu Phong		1858,00	0,0	1.858,0
1	Chăn nuôi lợn nái F1	Xã Triệu Vân	54,00		54,0
2	Nuôi gà	Xã Triệu Sơn	17,00		17,0
3	Hệ thống áo chứa và xử lý nước vùng nuôi tôm	Thôn 8, xã Triệu Vân	1565,00		1.565,0
4	Nuôi tôm rong câu	Thôn Gia Độ xã Triệu Độ	42,00		42,0
5	Mô hình sen cá	Thôn Phương Sơn, xã Triệu Sơn	150,00		150,0
6	Xây dựng thương hiệu đậu đen xanh lòng	xã Triệu Vân	30,00		30,0
IV	Huyện Cam Lộ		780,00	390,00	390,00
1	Trồng cỏ và nuôi bò thâm Canh	Xã Cam An	260,00	130	130
2	Trồng cỏ và nuôi bò thâm Canh	Xã Cam Thủy	260,00	130	130
3	Hỗ trợ trồng mới cây hồ tiêu	Xã Cam Nghĩa	260,00	130	130
V	Huyện Hướng Hóa		1386,06	520,00	866,06
1	Trồng cây cao su	Xã A Túc	430,00	130	300
2	Mô hình trồng tiêu	Xã Tân Liên	130,00	130	
3	Mô hình trồng tiêu	Xã Hướng Phùng	380,00	130	250
4	Mô hình bơ ghép xen cây cà phê	xã Hướng Phùng	66,06		66,06
5	Mô hình trồng cây cao su	xã Thuận	380,00	130	250
	Tổng		6.006,1	1.550,0	4.456,1

Ghi chú: Các huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Đakrông, Vĩnh Linh chưa lựa chọn mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2014**

Đvt: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Thành tiền
1	Vốn trực tiếp cho Chương trình NTM	87,293
	Ngân sách Trung ương	70,078
	Ngân sách tỉnh	-
	Ngân sách huyện, thị	12,690
	Ngân sách xã	4,525
2	Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác	102,988
3	Vốn tín dụng	2.561.000
4	Vốn huy động từ doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác	11,480
5	Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư	10,084
	Bằng tiền	5,696
	Ngày công	1,890
	Tài sản	815
	Hiền đất	1,684
6	Vốn huy động từ nguồn khác (con em xa quê, từ thiện)	923
	Bằng tiền	923
	Hiền vật	-
	Tổng	2.773.768

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN BỐ NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2014

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đối tượng	Số xã	Tổng vốn		Trong đó, nội dung thực hiện								Ghi chú
			Bình quân/xã	Tổng kinh phí	Giao thông	Thuỷ lợi	Cải tạo đồng ruộng	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Y tế	Chợ	Điểm thương mại dịch vụ	
	TỔNG CỘNG			64,000	41,006	2,007	538	2,689	1,700	400	450	650	Huyện Vĩnh Linh có 9.320 triệu đồng chưa phân bổ danh mục cụ thể
I	CÁC XÃ ƯU TIÊN			35,710	26,928	500	200	830	1,282	-	-	-	
1	Xã DBKK	117		26,520	21,688	-	-	830	1,282	-	-	-	
	Trong đó - Xã bãi ngang	12	680	8,160	5,368			150	602	-	-		Riêng huyện Vĩnh Linh có 3 xã (tổng vốn 2040 triệu đồng) chưa phân bổ danh mục công trình cụ thể
	- Xã biên giới	27	680	18,360	16,320			680	680	-	-		Riêng huyện Vĩnh Linh có 1 xã (tổng vốn 680 triệu đồng) chưa phân bổ danh mục công trình cụ thể
	- Xã an toàn khu												

2	Xã thuộc chương trình 30a	3	680	2,040	2,040														
3	Xã điểm theo Chỉ đạo của Trung ương	1																	Xã Vĩnh Thạch đã hỗ trợ theo xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo
4	Xã phấn đấu đạt chuẩn 2014-2016			7,150	3,200	500	200	-	-	-	-	-							
	Các xã đạt từ 13 tiêu chí nông thôn mới trở lên	11	650	7,150	3,200	500	200												Riêng huyện Vĩnh Linh có 5 xã (tổng vốn 3.250 triệu đồng) chưa phân bổ danh mục công trình cụ thể
II	CÁC XÃ CÒN LẠI			23,050	14,078	1,507	338	1,859	418	400	450	650							
1	Xã điểm của tỉnh, huyện	11	650	7,150	4,581	180		939			150	650							Riêng huyện Vĩnh Linh có 1 xã (tổng vốn 650 triệu đồng) chưa phân bổ danh mục công trình cụ thể
2	Xã còn lại	53	300	15,900	9,497	1,327	338	920	418	400	300								Riêng huyện Vĩnh Linh có 9 xã (tổng vốn 2.700 triệu đồng) chưa phân bổ danh mục công trình cụ thể
III	HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRỤ SỞ XÃ			5,240															

Phụ lục 04: Hiện trạng nông thôn mới đến tháng 6/2014, ước thực hiện năm 2014

TT	Xã/ huyện, thị	19 Tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới																			Hiện trạng đến tháng 6/2014	Tổng số tiêu chí đạt năm 2013	Số tiêu chí tăng (giảm)	Ước thực hiện năm 2014
		Quy hoạch	Gia o thô ng	Thủy Lợi	Điện	Trườ ng học	Cơ sở vật chất văn hóa	Chợ NT	Bưu điện	Nhà ở	Thu nhập	Hộ ngh ề	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Hình thức tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	V Hoá	Môi trường	TC chính trị	An Ninh				
I	Hải Lăng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Hải Phú	X			X	X		X	X		X		X	X			X		X	X	12	13	-1	14
2	Hải Thượng	X			X	X			X	X	X			X		X	X		X	X	11	11	0	16
3	Hải Ba	X						X	X		X		X	X		X	X		X	X	10	10	0	15
4	Hải Lâm	X			X			X	X		X		X	X	X		X		X	X	11	9	2	13
5	Hải Tân	X			X	X			X		X		X	X		X	X	X	X	X	12	10	2	14
6	Hải Quý	X		X	X				X		X		X	X			X				9	8	1	10
7	Hải Xuân	X			X				X		X		X	X		X	X		X	X	10	9	1	11
8	Hải Vĩnh	X				X			X		X			X	X		X		X	X	9	8	1	10
9	Hải Quế	X			X				X		X			X			X	X	X	X	8	8	0	8
10	Hải Dương	X			X				X		X		X	X			X		X	X	8	7	1	10
11	Hải Thành	X			X			X	X		X		X	X					X	X	9	8	1	10
12	Hải Thiện	X			X				X		X			X			X		X	X	8	7	1	10
13	Hải Thọ	X			X			X	X		X		X	X		X		X		X	11	8	3	11
14	Hải Trường	X			X				X		X			X	X		X	X		X	9	7	2	11
15	Hải Sơn	X			X				X		X			X	X		X		X	X	9	8	1	13
16	Hải Chánh	X			X				X		X		X	X			X		X	X	9	7	2	10
17	Hải Hoà	X			X				X		X			X		X	X	X		X	10	8	2	11
18	Hải An	X			X			X			X					X	X		X	X	8	8	0	10
19	Hải Khê	X			X			X	X		X		X	X			X				8	7	1	11
II	Triệu Phong																							

19 Tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới

19 Tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới																									
TT	Xã/ huyện, thị	Quy hoạch	Giao thông	Thủy Lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Chợ NT	Bưu điện	Nhà ở	Thu nhập	Hộ nghề còn	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Hình thức tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	V Hóa	Môi trường	TC chính trị	An Ninh	Hiện trạng đến tháng 6/2014	Tổng số tiêu chí đạt năm 2013	Số tiêu chí tăng (giảm)	Ước thực hiện năm 2014	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
1	Triệu Thành	X			X	X	X	X			X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	14	13	1	17
2	Triệu Thuận	X			X				X	X	X		X	X	X	X	X					10	13	-3	16
3	Triệu Trạch	X			X				X	X	X		X	X		X	X	X	X	X	X	11	11	0	16
4	Triệu Phước	X			X			X	X	X	X		X	X		X	X			X	X	12	10	2	16
5	Triệu Giang	X			X				X		X		X		X		X				X	8	6	2	11
6	Triệu Thượng	X			X						X			X		X	X			X	X	8	8	0	10
7	Triệu Long	X			X	X			X	X			X	X	X		X	X		X	X	11	11	0	13
8	Triệu Đông	X			X				X	X	X			X	X	X	X	X			X	10	10	0	12
9	Triệu Đại	X			X			X	X	X	X			X		X	X	X		X	X	11	11	0	13
10	Triệu Độ	X							X		X			X	X		X		X	X	X	8	8	0	10
11	Triệu Hoà	X			X				X	X	X		X				X		X	X	X	9	10	-1	12
12	Triệu Trung	X			X				X		X		X	X		X	X	X		X	X	10	9	1	12
13	Triệu Sơn	X			X			X	X		X		X	X		X	X	X		X	X	11	11	0	12
14	Triệu Tài	X			X				X		X			X			X			X	X	8	8	0	12
15	Triệu Ai	X			X				X		X					X						5	5	0	8
16	Triệu Vân	X			X	X			X					X		X	X	X		X	X	9	6	3	9
17	Triệu Lăng	X			X			X	X				X	X		X	X	X		X	X	10	8	2	11
18	Triệu An	X			X	X			X					X		X	X	X		X	X	9	7	2	11
III	Vĩnh Linh																								
1	Vĩnh Lâm	X			X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	15	15	0	17
2	Vĩnh Kim	X	X		X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	17	16	1	19
3	Vĩnh Thạch	X		X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	15	15	0	19
4	Vĩnh Thủy	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	17	15	2	19

19 Tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới																								
TT	Xã/ huyện, thị	Quy hoạch	Giao thông	Thủy Lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Chợ NT	Bưu điện	Nhà ở	Thu nhập	Hộ nghề êo	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Hình thức tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	V Hoá	Môi trường	TC chính trị	An Ninh	Hiện trạng đến tháng 6/2014	Tổng số tiêu chí đạt năm 2013	Số tiêu chí tăng (giảm)	Ước thực hiện năm 2014
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
5	Vĩnh Hiền	X	X	X		X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	17	14	3	17
6	Vĩnh Trung	X			X		X		X	X	X		X	X			X	X	X	X	12	12	0	13
7	Vĩnh Hà	X									X									X	3	2	1	4
8	Vĩnh Sơn	X			X			X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	12	11	1	13
9	Vĩnh Chấp	X			X				X		X			X		X	X		X	X	9	9	0	10
10	Vĩnh Long	X			X				X		X		X	X			X		X	X	9	9	0	12
11	Vĩnh Ô	X						X											X	X	4	4	0	5
12	Vĩnh Tú	X			X			X	X	X	X		X	X		X	X		X	X	12	11	1	12
13	Vĩnh Giang	X			X	X		X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	14	9	5	15
14	Vĩnh Khê	X	X		X	X													X	X	6	6	0	8
15	Vĩnh Thành	X			X			X		X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	13	13	0	15
16	Vĩnh Tân	X			X	X		X	X	X	X					X	X	X	X	X	12	12	0	13
17	Vĩnh Thái	X			X					X	X			X					X	X	7	5	2	10
18	Vĩnh Nam	X			X			X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	13	11	2	15
19	Vĩnh Hoà	X			X				X	X	X			X	X		X	X	X	X	11	9	2	13
IV	TX Quảng Trị																							
1	Hải Lệ	X			X			X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	13	13	0	15
V	Gio Linh																							
1	Gio Thành	X			X				X	X			X	X		X	X		X		9	5	4	10
2	Gio Việt	X		X	X			X	X					X			X		X	X	9	7	2	12
3	Gio Quang	X			X				X	X	X		X	X			X	X	X	X	11	9	2	13
4	Gio Hoà	X			X	X		X	X		X			X	X					X	9	9	0	12

TT		19 Tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới																			Hiện trạng đến tháng 6/2014	Tổng số tiêu chí đạt năm 2013	Số tiêu chí tăng (giảm)	Ước thực hiện năm 2014
		Quy hoạch	Giao thông	Thủy Lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Chợ NT	Bưu điện	Nhà ở	Thu nhập	Hộ nghèo	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Hình thức tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	V Hoa	Môi trường	TC chính trị	An Ninh				
	Xã/ huyện, thị	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
5	Lĩnh Hải	X			X			X	X		X				X	X	X			X	9	9	0	11
6	Trung Hải	X			X			X	X							X	X			X	7	9	-2	8
7	Gio Sơn	X			X	X		X	X	X					X	X	X	X	X	X	12	11	1	14
8	Lĩnh Thượng	X			X				X							X	X				5	5	0	7
9	Vĩnh Trường	X						X	X											X	4	6	-2	7
10	Gio Bình	X			X			X	X	X	X						X		X	X	8	8	0	10
11	Hải Thái	X									X				X		x		X	X	6	7	-1	8
12	Trung Sơn	X		X	X			X	X	X	X			X		X			X	X	10	7	3	12
13	Gio Châu	X						X	X	X	X		X		X	X	X			X	10	10	0	13
14	Gio Hải	X			X	X		X	X						X		X		X	X	9	7	2	13
15	Gio Mỹ	X			X			X	X		X			X		X	X			X	9	7	2	10
16	Gio Phong	X			X			X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	12	11	1	13
17	Trung Giang	X			X			X	X		X					X	X				7	6	1	9
18	Gio Mai	X			X	X			X	X	X		X	X	X	X	X			X	12	9	3	13
19	Gio An	X			X				X	X	X		X		X	X	X		X	X	11	10	1	12
VI	Dakrông																							
1	Triệu Nguyên	X		X	X			X	X							X	X		X		8 ⁴	7	1	10
2	Ba Lòng	X			X				X							X	X				5	5	0	10
3	Hải Phúc	X		X	X			X	X							X	X			X	8	8	0	8
4	Dakrông	X		X					X								X				4	3	1	5
5	BaNang	X						X													2	2	0	3
6	Tà Long	X		X												X	X			X	4	3	1	5

19 Tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới																									
TT	Xã/ huyện, thị	Quy hoạch	Giao o thôn ng	Thủy Lợi	Điện	Trường ng học	Cơ sở vật chất văn hóa	Chợ NT	Bưu điện	Nhà ở	Thu nhập	Hệ ngh èo	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Hình thức tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	V Hóa	Môi trường	TC chính tư	An Ninh	Hiện trạng đền thưởng 6/2014	Tổng số tiêu chí đạt năm 2013	Số tiêu chí tăng (giảm)	Ước thực hiện năm 2014	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
7	Húc Nghi	X						X									X				X	4	4	0	4
8	Tà Rút	X															X					2	2	0	5
9	A Bung	X						X	X									X				5	4	1	6
10	A Vao	X						X														2	2	0	2
11	Mỏ Ô	X		X				X	X								X					5	7	-2	8
12	Hướng Hiệp	X		X					X								X					4	4	0	8
13	A Ngo	X		X				X	X								X					5	4	1	6
VII	Cam Lộ																								
1	Cam Thanh	X			X			X	X				X	X			X			X	X	9	8	1	7
2	Cam Hiếu	X			X		X	X	X	X			X	X		X	X			X	X	12	8	4	13
3	Cam Tuyền	X			X			X	X				X	X			X			X	X	9	9	0	10
4	Cam Thành	X			X				X		X		X	X	X	X	X				X	10	10	0	10
5	Cam Chính	X			X			X	X		X	X	X	X	X	X	X			X	X	13	12	1	13
6	Cam Thủy	X			X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X			X	X	15	13	2	16
7	Cam An	X			X			X	X		X		X	X	X	X	X			X	X	13	13	0	15
8	Cam Nghĩa	X			X			X	X		X		X	X	X	X	X	X	X		X	12	12	0	13
VIII	Hướng Hoá																								
1	Hướng Lập	X																		X	X	3	3	0	5
2	Hướng Việt	X			X												X			X	X	5	6	-1	8
3	Hướng Sơn	X			X															X	X	4	5	-1	6
4	Hướng Linh	X		X	X												X				X	5	5	0	7
5	Hướng Tân	X			X								X					X		X	X	6	6	0	8
6	Húc	X						X												X	X	4	5	-1	7
7	Tân Hợp	X			X			X	X				X	X			X			X	X	9	6	3	12

19 Tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới																									
TT	Xã/ huyện, thị	Quy hoạch	Giao thông	Thủy Lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Chợ NT	Bưu điện	Nhà ở	Thu nhập	Hộ nghèo	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Hình thức tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	V Hoá	Môi trường	TC chính trị	An Ninh	Hiện trạng tiêu chí đền táng 6/2014	Tổng số tiêu chí đạt năm 2013	Số tiêu chí tăng (giảm)	Ước thực hiện năm 2014	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
8	Tân Lập	X		X	X	X		X	X				X				X		X	X		10	9	1	14
9	Tân Thành	X			X				X				X	X			X		X	X		8	7	1	11
10	Tân Long	X			X	X		X	X		X	X	X			X	X		X	X		12	8	4	14
11	Hương Lộc	X			X			X	X								X		X	X		7	3	4	8
12	Thanh	X		X	X												X		X	X		6	6	0	8
13	A Xing	X		X	X												X		X			5	6	-1	7
14	Xy	X		X	X												X		X	X		6	6	0	8
15	A Doi	X			X								X						X	X		5	4	1	7
16	Ba Tầng	X															X			X		3	4	-1	5
17	Xã Thuận	X		X	X	X		X	X				X		X				X	X		10	11	-1	14
18	Hương Phùng				X			X	X										X	X		6	6	0	11
19	Tân Liên	X		X		X		X	X			X	X				X		X	X		10	8	2	14
20	A Túc	X			X												X		X	X		5	8	-3	9
Cộng		117	3	19	95	23	6	56	91	34	69	8	53	67	35	54	100	19	85	100					
Tỷ lệ %		100	2.6	16.2	81.2	19.7	5.13	48	77.8	29	59	6.8	45.3	57.26	29.9	46	85.5	16	73	85					